TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2023
"V/v Ly hôn giữa chị Ng và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm 2, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Duy Đ, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn XTh, xã ĐP, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

(chị Ng, anh Đ xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng và anh Phạm Duy Đ đăng ký kết hôn ngày 04-11-2002 tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Hải, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm. Do không thể chung sống nên từ cuối năm 2010, chị Ng về quê ở xã Hải Đường, huyện Hải Hậu sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó tới nay. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị Ng đề nghị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ph, sinh ngày 11-8-2001 và Phạm Duy Ph1, sinh ngày 10-7-2004. Hiện nay hai con đã thành

niên, cháu Ph đã lập gia đình, cháu Ph1 đã đi làm và có công việc ổn định nên chị Ng không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung cũng như nghĩa vụ chung về tài sản nên chị Ng không đề nghị giải quyết.

** Tại bản tự khai anh Phạm Duy Đ trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Ng có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống và thời gian sống ly thân như chị Ng đã trình bày. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, tình cảm lạnh nhạt. Nay chị Ng làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm giữa anh và chị Ng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên anh Đ nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ph, sinh ngày 11-8-2001 và Phạm Duy Ph1, sinh ngày 10-7-2004. Hiện nay hai con đã thành niên, cháu Ph đã lập gia đình, cháu Ph1 đã đi làm và có công việc ổn định nên anh Đ cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Duy Đ là bị đơn cư trú tại Thôn Xuân Thượng, xã Đạ Pal, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng nhưng anh Đ và chị Ng đã có văn bản chọn Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu. Tại phiên tòa, chị Ng và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ng và anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng và anh Phạm Duy Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Hải, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng ngày 04-11-2002. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ng và anh Phạm Duy Đ thì thấy: Chị Ng và anh Đ đều thừa nhận quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn. Từ năm 2010 đến nay đã sống ly thân nhưng hai bên không có biện pháp, hành động để hàn gắn tình cảm và đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại bản tự khai anh Đ cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Ng và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của chị Ng, cho chị Trần Thị Ng được ly hôn anh Phạm Duy Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện nay hai con chung Phạm Thu Ph và Phạm Duy Ph1 đã đến tuổi thành niên, có khả năng lao động tự lập. Chị Ng và anh Đ cũng không đề nghị xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Ng và anh Đ đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không vay nợ ai tài sản gì nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ng phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ng và anh Phạm Duy Đ.

2. Về con chung: Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự lập nên không xem xét, gải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Ng và anh Đ không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Ng phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002690 ngày 22-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Triệu Hải: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái